

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2009					
Chỉ tiêu		Mã số	TM	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1-	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	247,799,032,588	483,193,286,491
2-	Các khoản giảm trừ doanh thu	03			
3-	Doanh thu thuần về bán hàng và c/cấp dv	10		247,799,032,588	483,193,286,491
4-	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	201,358,500,973	396,856,223,309
5-	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dv	20		46,440,531,615	86,337,063,182
6-	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	116,783,473	171,390,945
7-	Chi phí tài chính	22	VI.4	8,248,462,168	18,729,852,250
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8,248,462,168	18,729,852,250
8-	Chi phí bán hàng	24	VI.5	984,972,345	2,170,484,967
9-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9,019,649,052	17,565,427,427
10-	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		28,304,231,523	48,042,689,483
11-	Thu nhập khác	31	VI.7	15,824,263,522	52,582,261,475
12-	Chi phí khác	32	VI.8	3,789,844,932	37,476,236,457
13-	Lợi nhuận khác	40		12,034,418,590	15,106,025,018
14-	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40,338,650,113	63,148,714,501
15-	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	10,084,662,528	15,787,178,625
16-	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17-	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30,253,987,585	47,361,535,876
18-	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2009

Võ Thị Minh Thư Kế toán Tổng hợp	Đặng Hoàng Sang Kế Toán Trưởng	Đặng Thị Lan Phương Tổng Giám Đốc
-------------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------------